TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 28- 3 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Trương Công Đản - Cán bộ nghỉ hưu
Ông: Nguyễn Văn Mười - Giám đốc trung tâm chính trị huyện Krông Năng
Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Y Muôn Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Ngọc S - Sinh ngày 10/10/1995 tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn L (chết); Con bà: Trần Thị P, sinh năm 1960; Vợ: Hồ Thị T, sinh năm 1996; Con: Có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Hà Ngọc S bị bắt và tạm giam tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện K từ ngày 13/12/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Trần Hoàng N** (tên gọi khác B) - Sinh ngày 10/01/1996. Tại: Tỉnh Đ; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc T (chết); Con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1960; Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân năm 2014 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Bị cáo Trần Hoàng N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2018. Hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

2. Bà: Phan Thị Đ - Sinh năm 1968 (Có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Ngọc S, sinh ngày 10/10/1995, trú tại thôn B, xã C, huyện K là đối tượng nghiện ma túy, có quen biết với đối tượng Trần Trung Đ (đã chết) và Trần Hoàng N, sinh ngày 10/01/1996, trú cùng xã. Vào ngày 03/10/2017 và ngày 29/11/2017, S cùng với Đ và N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 03/10/2017, Trần Trung Đ điều khiển xe mô tô hiệu sirius màu đen, đỏ, không rõ biển kiểm soát (BKS) đến nhà S chơi. Sau đó, cả hai cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi, S mang theo vam phá khóa hình chữ T bằng kim loại. S điều khiển xe chở Đ chạy từ xã C đến xã P, huyện K để trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường thôn L, xã P, huyện K, phát hiện thấy xe mô tô BKS 47E1-106.17 dựng trong lô cà phê cách đường nhựa khoảng 15m, không có người trông coi. S dừng xe lại, rồi cùng Đ đi lại gần chiếc xe, S dùng vam phá khóa mở khóa ổ điện rồi cùng Đ đẩy chiếc xe ra đường. S điều khiển chiếc xe vừa trộm được, Đ điều khiển xe của mình cùng đi về nhà anh Nguyễn Cao C, trú tại thôn H, xã C, huyện K. Tại đây, S tháo yếm xe, tháo biển số xe giấu vào trong nhà vệ sinh của nhà anh C và lắp biển số 61N3 -2526 vào để dùng làm phương tiện đi lại. Ngày 21/10/2017, S điều khiển xe trộm cắp lên thành phố B thì bị Cảnh sát giao thông Công an huyện K kiểm tra, xe không có giấy tờ nên bị tạm giữ xe, sau đó vụ án được phát hiện, xử lý.

Vụ thứ 2: Khoảng 13 giờ ngày 29/11/2017, S gọi điện cho Trần Hoàng N rủ N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô (không rõ BKS, mượn của Đ trước đó, khi Đ chết N sử dụng chưa trả cho gia đình Đ) đến nhà S và chở S đến xã E, huyện K. Trên đường đi N đổi cho S điều khiển xe, S và N bàn bạc với nhau thấy nhà nào sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường thuộc thôn T, xã E, huyện K, N nhìn thấy đại lý thu mua cà phê V của bà Phan Thị Đ, cửa mở, không có người trông coi nên N nói với S quay đầu xe lại. S điều khiển xe đến trước cửa đại lý rồi quay đầu xe đứng chờ. Lúc này, N lén lút đi vào trong đại lý vác 01 bao cà phê nhân xô lên xe. S nổ máy điều khiển xe chở N cùng bao cà phê về hướng xã C, huyện K. Khi đến đại lý cà phê của bà Vương Thị H ở thôn H, xã C, huyện K, S và N gặp bà H hỏi bán bao cà phê thì bà H đồng ý mua, khi mua bà H không biết đây là tài sản do S và N trộm cắp mà có. N cân bao cà phê được 75kg và được số tiền là 2.700.000 đồng. Số tiền này S và N chia nhau một nửa để tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu xanh trắng, mang biển số 47E1-106.17 có giá trị: 4.000.000 đồng; Tại bản kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 75kg cà phê Robusta loại nhân, khô có giá trị 2.700.000 đồng.

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ gồm: 01 xe mô tô loại sirius, màu đỏ -đen-xám, số khung, số máy đã bị cà mòn, không biển số, không có yếm xe và không có mặt nạ xe; 01 vam phá khóa hình chữ T có chiều dài 13cm; 02 mảnh vỏ nhựa (yếm chắn gió bên phải, trái) của xe mô tô loại xe sirius, do hãng Yamaha sản xuất, màu trắng, đen, xanh; 01 Biển số xe mô tô 47E1-106.17; 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát 61N3-2526, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng-xanh, số máy: 5C64 957458, số khung: C640CY957451.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 14/KSĐT-HS ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Hà Ngọc S từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s, x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Hoàng N từ 09 đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đề nghị HĐXX tuyên: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng-xanh, số máy: 5C64 957458, số khung: C640CY957451; 02 mảnh vỏ nhựa (yếm chắn gió bên phải, trái) của xe mô tô loại xe sirius, do hãng Yamaha sản xuất, màu trắng, đen, xanh; 01 biển số xe mô tô 47E1-106.17 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Đối với 01 xe mô tô loại sirius, màu đỏ -đen-xám, số khung, số máy đã bị cà mòn, không biển số, không có yếm xe và không có mặt nạ xe Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tách xe mô tô để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xử lý theo đúng thẩm quyền. Đề nghị Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T có chiều dài 13cm; biển số xe mô tô 61N3-2526.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà Phan Thị Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 75kg cà phê bị mất trộm là 2.700.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Hà Ngọc S, Trần Hoàng N đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào ngày 03/10/2017, tại rẫy cà phê thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ, Hà Ngọc S cùng với Trần Trung Đ đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị Cẩm T, giá trị tài sản là 4.000.000 đồng. Ngày 29/11/2017, tại thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đ, S cùng với Trần Hoàng N đã lén lút, bí mật đột nhập vào đại lý cà phê V do bà Phan Thị Đ làm chủ, trộm cắp 01 bao cà phê xác rắn, giá trị tài sản là 2.700.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do đó cần xem xét tính chất vai trò của từng bị cáo trong vụ án, bị cáo S là người rủ rê lôi kéo bị cáo N, không những vậy bị cáo S còn phạm tội nhiều lần vì trước đó bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của chị T. Đối với bị cáo N khi được S rủ đi ăn trộm thì bị cáo hưởng ứng nhiệt tình và bị cáo là người trục tiếp thực hiện việc trộm cà phê phê của bà Đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo S, bị cáo N là nghiêm trọng, bản thân các bị cáo thực hiện phạm tội khi có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ việc lén lút, chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền tiêu xài, không phải lao động chân chính nên đã trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo S có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Tài sản trộm cắp đã thu hồi lại được một phần và trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bố bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo thành khẩn khai báo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo S phạm tội nhiều lần và bị cáo N có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản.

Từ những phân tích nhận định nêu trên cần áp dụng một hình phạt nghiệm khắc tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Do đó cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng là phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm

nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Cần công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng-xanh, số máy: 5C64 957458, số khung: C640CY957451; 02 mảnh vỏ nhựa (yếm chắn gió bên phải, trái) của xe mô tô loại xe sirius, do hãng Yamaha sản xuất, màu trắng, đen, xanh; 01 biển số xe mô tô 47E1-106.17 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Cần tuyên tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T có chiều dài 13cm; biển số xe mô tô 61N3-2526.

Cần chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tách xe mô tô loại sirius, màu đỏ -đen-xám, số khung, số máy đã bị cà mòn, không biển số cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xử lý theo thẩm quyền.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng N liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Đ số tiền 2.700.000 đồng và các bị cáo phải bồi thường theo tỷ phần bằng nhau. Bị hại chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Hà Ngọc S, Trần Hoàng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên**;***

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Ngọc S, Trần Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Ngọc S** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/12/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, i, s, x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hoàng N** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng-xanh, số máy: 5C64 957458, số khung: C640CY957451; 02 mảnh vỏ nhựa (yếm chắn gió bên phải, trái) của xe mô tô loại xe sirius, do hãng Yamaha sản xuất, màu trắng, đen, xanh; 01 biển số xe mô tô 47E1-106.17 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T có chiều dài 13cm; Biển số xe mô tô 61N3-2526.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tách xe mô tô loại sirius, màu đỏ -đen-xám, số khung, số máy đã bị cà mòn, không biển số cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xử lý theo thẩm quyền.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 585, 586 và 589 BLDS: Buộc bị cáo Hà Ngọc S, bị

cáo Trần Hoàng N mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Phan Thị Đ số tiền là 1.350.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Hà Ngọc Sơn, Trần Hoàng N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Thuấn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ*
- *VKSND tỉnh Đ;*
- *Sở Tư Pháp tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện K*
- *Công an huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *Các bị cáo*
- *Các đương sự;*
- *-Lưu HSVA, VPCQ.*